

THƯƠNG NGƯỜI NHƯ THỂ THƯƠNG THÂN

I. ĐỌC – HIỂU.

Em hãy đọc bài “*Dế Mèn bênh vực kẻ yếu (tiếp theo)*” trong SGK Tiếng Việt 4 tập 1, trang 16 và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Sau khi quan sát thấy trận địa mai phục của bọn nhện, Dế Mèn đã có hành động gì? (M1)

- A. Cất tiếng hòì lớn: “*Ai đứng chóp bu bọn này? Ra đây ta nói chuyện?*”
- B. Cất tiếng dọa nạt: “*Lũ các người không chạy nhanh đừng trách ta phải ra tay.*”
- C. Quay phắt lưng, phóng cẳng đạp phanh phách ra oai.
- D. Xông thẳng vào hang lòi con mụ nhện cái ra hỏi chuyện.

Câu 2. Mụ nhện cái được miêu tả với dáng vẻ như thế nào? (M2)

- A. Đường hoàng, bệ vệ, dáng vẻ kiêu kì.
- B. Hồng hách, ngang ngược, ra dáng ta đây là chúa tể loài nhện.
- C. Ra dáng ta đây là vị chúa trùm nhà nhện, nom cũng danh đá, nặc nô lắm.
- D. Hiền lành, nhân từ khác hẳn với dáng vẻ hung dữ của lũ nhện gác bên ngoài.

Câu 3. Theo em, có thể tặng cho Dế Mèn danh hiệu nào trong số các danh hiệu sau đây? (M3)

- A. Võ sĩ.
- B. Tráng sĩ.
- C. Hiệp sĩ.
- D. Chiến sĩ

Câu 4. Ý nghĩa của bài văn “*Dế Mèn bênh vực kẻ yếu*” là gì? (M4)

- A. Kể lại một trận tỉ thí cân tài cân sức giữa Dế Mèn và bọn nhện khiến không ít người cảm phục.
- B. Phê phán bọn quan lại tham lam đập lên mồ hôi của dân mà ăn chơi đến mức độ béo múp míp.
- C. Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công, bênh vực chị nhà trò yếu đuối, bất hạnh.
- D. Ca ngợi sức mạnh hơn người, không gì địch nổi của Dế Mèn.

II. LUYỆN TẬP.

Bài 1. Điền âm, vần thích hợp vào chỗ trống (thêm dấu thanh nếu cần) :

a) Điền s hoặc x :

_____inh _____au dẻ mươn

_____ương _____ắt da đồng

b) Điền **ăn** hoặc **ang** :

ngay nãi th _____ tre già m _____ mà

Bài 2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu tục ngữ, ca dao nói về lòng nhân hậu, tình đoàn kết:

nhân nghĩa bạn lòng nâng

a) Chị ngã em _____

b) Ăn ở có _____ mười phần chẳng thiệt.

c) Vì tình vì _____ không ai vì đĩa xôi đầy.

d) Ngựa chạy có bầy, chim bay có _____

e) Khi đói cùng chung một dạ, khi rét cùng chung một _____

Bài 3. Tìm từ phức có tiếng “hiền” điền vào từng chỗ trống cho thích hợp:

a) Bạn Mai lớp em rất _____

b) Dòng sông quê tôi chảy _____ giữa hai bờ xanh mướt lúa ngô.

c) Ngoại luôn nhìn em với cặp mắt _____

Bài 4.

a) **Viết lời chào hỏi thích hợp vào chỗ trống trong đoạn đối thoại:**

Mai: _____

Minh: _____ Bạn đi đâu đấy?

Mai: À, mình sang nhà bà nội. Còn bạn vừa đi đâu về phải không?

Minh: Ủ! Mình sang nhà bạn Long mượn quyển sách về đọc.

b) Viết tiếp vào các chỗ trống để hoàn thành đoạn tự giới thiệu:

Tôi tên là

Hiện nay, tôi là học sinh lớp

 Trường Tiểu học

.

Sở thích của tôi là

Tôi rất muốn được làm quen với các bạn.